BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 28/2014/TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2014*

THÔNG TƯ
Quy định việc xét duyệt, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định việc xét duyệt, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc xét duyệt, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (KH&CN) thuộc Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia (sau đây viết tắt là Dự án đầu tư SPQG).

Các dự án đầu tư nâng cao tiềm lực KH&CN phục vụ phát triển sản phẩm quốc gia được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách chi đầu tư phát triển không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

2. Thông tư này áp dụng với cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý và thực hiện nhiệm vụ được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN thuộc Dự án đầu tư SPQG của Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhiệm vụ được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN thuộc Dự án đầu tư SPQG (sau đây viết tắt là *nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG*) là việc nghiên cứu ứng dụng các kết quả của nhiệm vụ KH&CN hoặc tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến từ các nguồn khác nhằm làm chủ, hoàn thiện và ổn định công nghệ để sản xuất SPQG, bao gồm các loại hình sau đây:

a) Chuyển giao công nghệ sản xuất SPQG: tiếp nhận chuyển giao bí quyết kỹ thuật; phương án công nghệ, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; mua sắm, nhập khẩu máy móc thiết bị chuyên dụng trong nước chưa sản xuất được phục vụ nghiên cứu công nghệ sản xuất SPQG;

b) Ứng dụng công nghệ sản xuất SPQG: hoàn thiện quy trình công nghệ, giải pháp KH&CN; xây dựng các phần mềm máy tính; thử nghiệm, phân tích, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm; sản xuất lô số không.

2. *Lô số không* là lô sản phẩm được sản xuất thử trên hệ thống thiết bị, dây chuyền công nghệ đã được hoàn thiện (đối với các sản phẩm sản xuất theo phương thức công nghiệp) hoặc mô hình sản xuất thí điểm, thử nghiệm (đối với các sản phẩm sản xuất theo phương thức khác) nhằm ổn định công nghệ, quy mô sản xuất, chất lượng sản phẩm trước khi đưa vào sản xuất hàng loạt.

3. *Đơn vị quản lý SPQG* là đơn vị có chức năng quản lý nhà nước của Cơ quan chủ quản SPQG được Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG giao trách nhiệm quản lý các đề án, dự án phát triển SPQG.

Vụ KH&CN các ngành kinh tế - kỹ thuật thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) là đơn vị đầu mối quản lý Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020, đồng thời là Đơn vị quản lý SPQG của Bộ KH&CN.

Điều 3. Áp dụng văn bản pháp luật

1. Cơ chế phối hợp giữa Bộ KH&CN, Cơ quan chủ quản SPQG, Ban chủ nhiệm chương trình, Đơn vị quản lý SPQG, tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG, giám đốc Dự án đầu tư SPQG, chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG và

các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình xét duyệt, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN thực hiện theo quy định tại Thông tư hướng dẫn quản lý Chương trình phát triển SPQG đến năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ và các văn bản khác có liên quan.

2. Nguyên tắc làm việc và trách nhiệm của các hội đồng xét duyệt và hội đồng thẩm định quy định tại Điều 7 và Điều 11 của Thông tư này được áp dụng theo Điều 10 Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Tư vấn độc lập: quy định về chuyên gia tư vấn độc lập, thủ tục lấy ý kiến và trách nhiệm của chuyên gia tư vấn độc lập được áp dụng theo Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương II
XÉT DUYỆT NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT SẢN PHẨM QUỐC GIA

Điều 4. Yêu cầu đối với Dự án đầu tư SPQG được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN

1. Dự án đầu tư SPQG (bao gồm cả dự án đầu tư mới hoặc dự án đầu tư mở rộng) được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN phải có xuất xứ từ kết quả của nhiệm vụ KH&CN hoặc tiếp nhận công nghệ chuyển giao từ các nguồn trong và ngoài nước để sản xuất SPQG trong khuôn khổ Đề án khung phát triển SPQG đã được phê duyệt.

2. Trình tự, thủ tục đầu tư của Dự án đầu tư SPQG được thực hiện theo Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Việc thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định và giám định công nghệ của Dự án đầu tư SPQG được thực hiện theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

4. Nội dung đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN cho các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG không được trùng lặp với các nội dung của dự án KH&CN phát triển SPQG hoặc nhiệm vụ KH&CN khác đã được hỗ trợ từ nguồn ngân sách.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký xét duyệt

1. Tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG lập hồ sơ đăng ký xét duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi cơ quan có thẩm quyền xét duyệt, thẩm định và phê duyệt kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trước khi tiến hành thủ tục đầu tư.

2. Hồ sơ đăng ký xét duyệt gồm các tài liệu sau:

a) 01 Đơn đăng ký của tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG theo mẫu A1-ĐK-DAĐT-SPQG quy định tại Phụ lục I của Thông tư này;

b) 01 bản chính Thuyết minh về Dự án đầu tư SPQG theo mẫu A2-TMDA-DAĐT-SPQG và bản chính các Thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG theo mẫu A3-TMNV-DAĐT-SPQG quy định tại Phụ lục I của Thông tư này;

c) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của Dự án đầu tư SPQG và các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có);

d) Báo cáo kết quả thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định và giám định công nghệ của dự án theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

đ) Bản sao có chứng thực của 01 trong các văn bản: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN, văn bản đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG;

e) 01 Báo cáo tóm tắt hoạt động KH&CN, sản xuất kinh doanh của tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG.

3. Nộp hồ sơ: Tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG gửi trực tiếp về Cơ quan chủ quản SPQG 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) đóng thành 01 tập, trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, cỡ chữ 13 hoặc 14 và một bản điện tử (dạng PDF, không cài bảo mật) các tài liệu của hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này.

Tài liệu thuộc hồ sơ được đóng gói trong túi hồ sơ có niêm phong và bên ngoài ghi rõ:

a) Tên hồ sơ: Hồ sơ đăng ký xét duyệt Dự án đầu tư SPQG;

b) Nơi nhận hồ sơ: Tên, địa chỉ Cơ quan chủ quản SPQG;

c) Tên Dự án đầu tư SPQG;

d) Tên, địa chỉ của tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG;

đ) Danh sách họ, tên của giám đốc dự án và các chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG;

e) Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

Điều 6. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký xét duyệt

1. Cơ quan chủ quản SPQG tiếp nhận hồ sơ đăng ký xét duyệt của các tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG và giao cho Đơn vị quản lý SPQG thụ lý hồ sơ. Trong vòng 10 ngày làm việc, Đơn vị quản lý SPQG chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành mở, kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ với sự tham dự của đại diện tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG.

2. Đối với các hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 5 của Thông tư này, chậm nhất 03 ngày làm việc sau ngày mở hồ sơ, Đơn vị quản lý SPQG có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG biết nội dung yêu cầu bổ sung hoặc thay thế tài liệu của hồ sơ và quy định cụ thể thời hạn tiếp nhận.

3. Đơn vị quản lý SPQG chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ vào các quy định tại Thông tư hướng dẫn quản lý Chương trình phát triển SPQG đến năm 2020 của Bộ KH&CN, Đề án khung phát triển SPQG và các văn bản khác có liên quan xem xét, lựa chọn hồ sơ đáp ứng các yêu cầu để xây dựng danh mục sơ bộ các Dự án đầu tư SPQG và các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG để đưa ra hội đồng xét duyệt theo mẫu A4-DMSB-DAĐT-SPQG quy định tại Phụ lục I của Thông tư này, trình thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG quyết định.

Điều 7. Hội đồng xét duyệt

1. Tổ chức hội đồng

a) Hội đồng xét duyệt do thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG thành lập trên cơ sở đề xuất của Đơn vị quản lý SPQG. Hội đồng có trách nhiệm tư vấn xét duyệt hồ sơ Dự án đầu tư SPQG và các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG;

b) Hội đồng có 09 thành viên, gồm: chủ tịch; phó chủ tịch; thư ký hội đồng; 02 ủy viên phản biện đối với từng nhiệm vụ và các ủy viên là các chuyên gia khoa học, cán bộ quản lý, chuyên gia kinh tế, trong đó 01 ủy viên là đại diện Đơn vị quản lý SPQG. Cá nhân thuộc tổ chức chủ trì hoặc tham gia thực hiện Dự án đầu tư SPQG không là thành viên của hội đồng.

Trường hợp đặc biệt cần thay đổi về số lượng thành viên và cơ cấu hội đồng thì Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG xem xét, quyết định;

c) Thư ký hành chính của hội đồng: 01 người thuộc Đơn vị quản lý SPQG và 01 người thuộc Đơn vị quản lý kinh phí SPQG.

d) Đơn vị quản lý SPQG có trách nhiệm tổ chức các phiên họp hội đồng. Thời điểm họp hội đồng không quá 15 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Kinh phí họp hội đồng lấy từ ngân sách nhà nước chi cho hoạt động chung của Chương trình phát triển SPQG đến năm 2020 được phân bổ về Văn phòng các chương trình KH&CN quốc gia (đối với các SPQG do Bộ KH&CN quản lý) hoặc Đơn vị quản lý kinh phí (đối với các SPQG do Bộ ngành quản lý).

2. Đại biểu mời tham dự cuộc họp của hội đồng gồm: đại diện tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG, giám đốc Dự án đầu tư SPQG, chủ nhiệm nhiệm vụ; đại diện Ban chủ nhiệm chương trình; đại diện Vụ KH&CN các ngành kinh tế - kỹ thuật của Bộ KH&CN (đối với các SPQG do Bộ ngành quản lý).

3. Trong trường hợp cần thiết, Đơn vị quản lý SPQG kiến nghị Cơ quan chủ quản SPQG lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá hồ sơ Dự án đầu tư SPQG sau khi họp hội đồng.

Điều 8. Trình tự, nội dung làm việc của hội đồng xét duyệt

1. Gửi hồ sơ đăng ký xét duyệt và tài liệu cho các thành viên hội đồng:

a) Ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp thứ nhất của hội đồng, Đơn vị quản lý SPQG có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu gửi cho các thành viên hội đồng gồm 01 bản sao: Hồ sơ đăng ký xét duyệt quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này; danh mục sơ bộ các Dự án đầu tư SPQG; quyết định thành lập hội đồng; phiếu nhận xét hồ sơ Dự án đầu tư SPQG, phiếu nhận xét thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG theo mẫu A5-PNXHS-DAĐT-SPQG, A6-PNXNV-DAĐT-SPQG quy định tại Phụ lục I của Thông tư này;

b) Các thành viên hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu kỹ hồ sơ đăng ký xét duyệt và các tài liệu có liên quan, đồng thời ghi nhận xét vào các phiếu nhận xét gửi cho thư ký hành chính trước khi họp hội đồng.

2. Trình tự, nội dung làm việc của hội đồng xét duyệt:

a) Đại diện Đơn vị quản lý SPQG (thư ký hành chính) tuyên bố lý do cuộc họp, đọc quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần hội đồng và đại biểu tham dự; đại diện Cơ quan chủ quản SPQG phát biểu ý kiến, nêu yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc xét duyệt hồ sơ Dự án đầu tư SPQG và các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG;

b) Hội đồng trao đổi thống nhất nguyên tắc làm việc và bầu thư ký hội đồng;

c) Giám đốc Dự án đầu tư SPQG báo cáo tóm tắt trước hội đồng về Thuyết minh về Dự án đầu tư SPQG và các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG, trả lời các câu hỏi của thành viên hội đồng (nếu có) và không tiếp tục tham dự phiên họp của hội đồng;

d) Các ủy viên phản biện, thành viên hội đồng trình bày nhận xét, đánh giá về hồ sơ Dự án đầu tư SPQG và thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG theo các tiêu chí quy định tại phiếu nhận xét hồ sơ Dự án đầu tư SPQG, phiếu nhận xét thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG; thư ký hội đồng đọc ý kiến nhận xét, đánh giá của các thành viên vắng mặt (nếu có) để hội đồng xem xét, tham khảo;

đ) Hội đồng thảo luận, phân tích, đánh giá chung Dự án đầu tư SPQG về sự cần thiết phải đầu tư; tính phù hợp, đáp ứng các tiêu chí quy định tại Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển SPQG đến năm 2020 và tại Thông tư hướng dẫn quản lý Chương trình phát triển SPQG đến năm 2020 của Bộ KH&CN; tính phù hợp với nội dung của Đề án khung phát triển SPQG;

e) Hội đồng thảo luận, đánh giá về hồ sơ Dự án đầu tư SPQG và thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG theo các tiêu chí quy định. Trong quá trình thảo luận hội đồng có thể nêu câu hỏi đối với các ủy viên phản biện, ủy viên hội đồng về ý kiến nhận xét;

g) Hội đồng cho điểm đánh giá độc lập hồ sơ Dự án đầu tư SPQG và thuyết minh của từng nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG theo các tiêu chí đánh giá ghi trong phiếu đánh giá hồ sơ Dự án đầu tư SPQG, phiếu đánh giá thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG theo mẫu A7-PĐGHS-DAĐT-SPQG, A8-PĐGNV-DAĐT-SPQG quy định tại Phụ lục I của Thông tư này) và bỏ phiếu đánh giá theo phương thức bỏ phiếu kín;

h) Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 03 người là ủy viên của hội đồng, trong đó có trưởng ban kiểm phiếu và 02 thành viên;

i) Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả bỏ phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng theo mẫu A9-BBKPHS-DAĐT-SPQG, mẫu A10-BBKPNV-DAĐT-SPQG quy định tại Phụ lục I của Thông tư này;

k) Hội đồng công bố công khai kết quả chấm điểm đánh giá và thông qua biên bản họp của hội đồng xét duyệt, danh mục các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG được hội đồng xét duyệt đề nghị hỗ trợ, kiến nghị về những điểm cần bổ sung, hoàn thiện trong hồ sơ, Thuyết minh về Dự án đầu tư SPQG và các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG;

l) Dự án đầu tư SPQG được đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN phải được ít nhất 2/3 tổng số thành viên hội đồng có mặt bỏ phiếu đánh giá "Đáp ứng yêu cầu". Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG được hội đồng đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN phải được ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng có mặt bỏ phiếu đánh giá "Đề nghị hỗ trợ". Phiếu nhận xét, đánh giá của các thành viên vắng mặt được công bố tại phiên họp, nhưng không được tính vào số phiếu đánh giá của phiên họp. Đối với Dự án đầu tư SPQG không được hội đồng xét duyệt đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN, Đơn vị quản lý SPQG có trách nhiệm báo cáo thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG để thông báo bằng văn bản cho tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG biết;

m) Thư ký khoa học hoàn thiện biên bản họp của hội đồng xét duyệt và danh mục các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG được hội đồng xét duyệt đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN theo mẫu A11-BBHĐ-DAĐT-SPQG, A12-DMNV-DAĐT-SPQG quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

Điều 9. Xử lý kết quả xét duyệt

1. Trên cơ sở kết quả xét duyệt của hội đồng và báo cáo của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có), Đơn vị quản lý SPQG tổng hợp danh mục các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG đề nghị được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN theo mẫu A13-THDM-DAĐT-SPQG quy định tại Phụ lục I của Thông tư này để báo cáo thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG.

2. Đơn vị quản lý SPQG có trách nhiệm thông báo cho tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG biết kết quả xét duyệt và ý kiến khuyến nghị của hội đồng để hoàn thiện hồ sơ thẩm định.

3. Đối với nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG được Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG đồng ý đề nghị hỗ trợ, Cơ quan chủ quản SPQG có công văn kèm theo hồ sơ quy định tại Điều 10 của Thông tư này, gửi Bộ KH&CN để thẩm định.

Chương III
THẨM ĐỊNH NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT SẢN PHẨM QUỐC GIA

Điều 10. Hồ sơ thẩm định

1. Hồ sơ thẩm định gồm 01 bộ các tài liệu sau đây:

a) Bản sao có chứng thực của ít nhất một trong các văn bản: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN, văn bản đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG;

b) Bản chính Thuyết minh về Dự án đầu tư SPQG theo mẫu A2-TMDA-DAĐT-SPQG và bản chính các Thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG theo mẫu A3-TMNV-DAĐT-SPQG quy định tại Phụ lục I của Thông tư này đã được hoàn thiện sau khi xét duyệt; bản giải trình của Tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG về các nội dung đã chỉnh sửa kèm theo thuyết minh và dự toán kinh phí chi tiết;

c) Bản chính phương án huy động các nguồn tài chính đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 4 của Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKHCN ngày 20 tháng 12 năm 2012 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển SPQG đến năm 2020;

d) Bản sao danh mục liệt kê các văn bản quy định chế độ, định mức và các văn bản có liên quan được sử dụng để xây dựng dự toán kinh phí; báo giá nguyên vật liệu, thiết bị, bản quyền công nghệ, hợp đồng thuê chuyên gia và các báo giá khác có liên quan;

đ) Bản sao văn bản ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có);

e) Bản chính biên bản họp hội đồng xét duyệt.

2. Nộp hồ sơ thẩm định và công tác chuẩn bị trước khi họp hội đồng

a) Tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này nộp cho Đơn vị quản lý SPQG;

b) Đơn vị quản lý SPQG có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của tài liệu do tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG cung cấp. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ Đơn vị quản lý SPQG có trách nhiệm thông báo cho tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG biết nội dung yêu cầu bổ sung hoặc thay thế tài liệu của hồ sơ và

quy định cụ thể thời hạn tiếp nhận. Đơn vị quản lý SPQG chuẩn bị tài liệu quy định tại các điểm đ, e khoản 1 Điều này và chuyển hồ sơ thẩm định cho Vụ KH&CN các ngành kinh tế - kỹ thuật của Bộ KH&CN để lập hội đồng thẩm định;

c) Vụ KH&CN các ngành kinh tế - kỹ thuật gửi bản sao hồ sơ thẩm định, phiếu thẩm định theo mẫu B1-PTĐHS-DAĐT-SPQG, B2-PTĐNV-DAĐT-SPQG quy định tại Phụ lục II của Thông tư này, bản chính quyết định thành lập hội đồng thẩm định, giấy mời họp kèm lịch họp cho các thành viên hội đồng thẩm định ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp hội đồng;

d) Các thành viên hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu kỹ hồ sơ thẩm định và các tài liệu có liên quan, đồng thời ghi nhận xét vào các phiếu thẩm định và gửi cho thư ký hành chính trước khi họp hội đồng.

Điều 11. Hội đồng thẩm định

1. Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập trên cơ sở đề xuất của Vụ KH&CN các ngành kinh tế - kỹ thuật. Hội đồng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ Dự án đầu tư SPQG, nội dung và kinh phí hỗ trợ các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG để tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

2. Thành phần hội đồng gồm 05 thành viên:

a) Chủ tịch là lãnh đạo Vụ KH&CN các ngành kinh tế - kỹ thuật;

b) 01 phó chủ tịch là lãnh đạo Đơn vị quản lý kinh phí;

c) 03 ủy viên gồm: 01 ủy viên là chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng xét duyệt, 01 ủy viên là chuyên gia về công nghệ và 01 ủy viên là chuyên gia kinh tế.

3. Thư ký hội đồng là chuyên viên Vụ KH&CN các ngành kinh tế - kỹ thuật; thư ký hành chính giúp việc cho hội đồng là chuyên viên (cán bộ) thuộc Văn phòng các chương trình KH&CN quốc gia.

4. Đại biểu mời tham dự cuộc họp của hội đồng gồm: đại diện Ban chủ nhiệm chương trình, đại diện Vụ Kế hoạch - Tổng hợp; đại diện Văn phòng các chương trình KH&CN quốc gia, đại diện Đơn vị quản lý SPQG (đối với SPQG do Bộ ngành quản lý); đại diện tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG, giám đốc Dự án đầu tư SPQG, chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG.

5. Văn phòng các chương trình KH&CN quốc gia có trách nhiệm tổ chức các phiên họp hội đồng. Thời gian họp hội đồng không quá 15 ngày làm việc sau khi có quyết định thành lập hội đồng thẩm định. Kinh phí họp hội đồng được lấy từ ngân sách nhà nước chi cho hoạt động chung của Chương trình do Văn phòng các chương trình KH&CN quốc gia quản lý.

Điều 12. Nội dung thẩm định

1. Thẩm định hồ sơ: Xem xét, rà soát tính đầy đủ, hợp lệ và mức độ hoàn thiện của hồ sơ; tính phù hợp của Dự án đầu tư SPQG với Chương trình phát triển sản

phẩm quốc gia và Đề án khung phát triển SPQG; tiến độ thực hiện Dự án đầu tư SPQG và các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG.

2. Thẩm định nội dung: Rà soát tính đầy đủ, tính phù hợp của nội dung Thuyết minh về Dự án đầu tư SPQG, thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG với kết luận của hội đồng xét duyệt; xác định các nội dung của nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN.

3. Thẩm định kinh phí: Xem xét, đánh giá tính chính xác, hợp lý của dự toán kinh phí, tính pháp lý và khả thi của phương án huy động các nguồn tài chính; xác định các nội dung chi và mức hỗ trợ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKHCN.

Điều 13. Trình tự, nội dung làm việc của hội đồng thẩm định

1. Chủ tịch hội đồng điều hành các phiên họp của hội đồng theo trình tự sau:

a) Giám đốc Dự án đầu tư SPQG, chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức chủ trì báo cáo, giải trình các nội dung hoàn thiện hồ sơ, thuyết minh;

b) Các ủy viên nhận xét thẩm định về hồ sơ Dự án đầu tư SPQG và nội dung, kinh phí các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG;

c) Thư ký hội đồng đọc ý kiến của chuyên gia thẩm định độc lập (nếu có);

d) Các thành viên hội đồng nhận xét thẩm định về hồ sơ Dự án đầu tư SPQG và nội dung, kinh phí các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG;

đ) Giám đốc Dự án đầu tư SPQG, chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG trả lời những câu hỏi của hội đồng và các đại biểu tham dự;

e) Hội đồng thảo luận riêng (không có mặt đại diện tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG và đại biểu mời); hội đồng thống nhất kết luận thẩm định về hồ sơ Dự án đầu tư SPQG, nội dung và kinh phí các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG; hội đồng thông qua phương án huy động các nguồn tài chính;

g) Thư ký hội đồng có trách nhiệm ghi chép ý kiến phát biểu của các thành viên hội đồng và đại biểu tham dự; thu phiếu thẩm định của các thành viên hội đồng; ghi biên bản họp hội đồng thẩm định theo mẫu B3-BBTĐHS-DAĐT-SPQG, B4-BBTĐNV-DAĐT-SPQG quy định tại Phụ lục II Thông tư này;

h) Chủ tịch hội đồng thông báo kết luận của hội đồng thẩm định.

2. Chủ tịch hội đồng có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và đề xuất phương án xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết phát sinh trong quá trình xem xét hồ sơ thẩm định để Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định trong các trường hợp sau:

a) Thành viên hội đồng không nhất trí với kết luận chung của hội đồng thẩm định và đề nghị bảo lưu ý kiến;

b) Do công nghệ chuyển giao hoặc nội dung, mức hỗ trợ có các yếu tố đặc thù vượt quá khả năng xem xét của hội đồng.

3. Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ lấy thêm ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập.

Chương IV
PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT SẢN PHẨM QUỐC GIA

Điều 14. Trình phê duyệt

1. Hồ sơ dự án trình phê duyệt gồm:

a) 01 bản chính Thuyết minh về Dự án đầu tư SPQG đã được hoàn thiện sau khi thẩm định;

b) 01 bản chính quyết định thành lập hội đồng xét duyệt;

c) 01 bản chính biên bản họp hội đồng xét duyệt;

d) 01 bản chính quyết định thành lập hội đồng thẩm định;

đ) 01 bản chính biên bản họp hội đồng thẩm định hồ sơ Dự án đầu tư SPQG và các bản chính biên bản họp hội đồng thẩm định nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG;

e) 01 bản chính phương án huy động các nguồn tài chính để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG đã được hội đồng thẩm định thông qua;

g) Văn bản ý kiến của chuyên gia tư vấn thẩm định độc lập (nếu có).

2. Trình phê duyệt

a) Vụ KH&CN các ngành kinh tế - kỹ thuật chủ trì, phối hợp với Đơn vị quản lý SPQG (của Bộ ngành), tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG rà soát, hoàn thiện hồ sơ dự án trình phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều này và dự thảo quyết định phê duyệt theo mẫu B5-QĐPD-DAĐT-SPQG quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

b) Vụ Kế hoạch - Tổng hợp chủ trì, phối hợp với Vụ KH&CN các ngành kinh tế - kỹ thuật trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

Điều 15. Phê duyệt nhiệm vụ được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN thuộc Dự án đầu tư SPQG

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt nhiệm vụ được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN thuộc Dự án đầu tư SPQG.

Quyết định phê duyệt được sử dụng thay cho văn bản chấp thuận việc sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN của Dự án đầu tư SPQG để tiến hành thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công.

2. Sau khi có quyết định phê duyệt, Vụ KH&CN các ngành kinh tế - kỹ thuật có trách nhiệm bàn giao cho Văn phòng các chương trình KH&CN quốc gia thuộc Bộ KH&CN toàn bộ hồ sơ gốc và các văn bản chính trong quá trình xét duyệt, thẩm định, phê duyệt các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG đối với sản phẩm quốc gia do Bộ KH&CN quản lý và bàn giao cho Đơn vị quản lý SPQG (của Bộ ngành) toàn bộ các văn bản chính trong quá trình thẩm định, phê duyệt các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG đối với sản phẩm quốc gia do Bộ ngành quản lý.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2014.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và thực hiện Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 căn cứ vào hướng dẫn của Thông tư này để tổ chức thực hiện.

2. Đơn vị quản lý SPQG của các Bộ ngành, Văn phòng các chương trình KH&CN quốc gia thuộc Bộ KH&CN có trách nhiệm quản lý toàn bộ các hồ sơ gốc và các văn bản chính trong quá trình xét duyệt, thẩm định, phê duyệt các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG đối với sản phẩm quốc gia thuộc thẩm quyền quản lý./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Quân

Phụ lục I

DANH MỤC MẪU XÉT DUYỆT NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT SẢN PHẨM QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2014/TT-BKHCN ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Mẫu Đơn đăng ký xét duyệt hồ sơ Dự án đầu tư SPQG: Mẫu A1-ĐK-DAĐT-SPQG

2. Mẫu Thuyết minh về Dự án đầu tư SPQG: Mẫu A2-TMDA-DAĐT-SPQG

3. Mẫu Thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG: Mẫu A3-TMNV-DAĐT-SPQG

4. Mẫu Danh mục sơ bộ Dự án đầu tư SPQG và các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG đưa ra hội đồng xét duyệt: Mẫu A4-DMSB-DAĐT-SPQG

5. Mẫu Phiếu nhận xét hồ sơ Dự án đầu tư SPQG: Mẫu A5-PNXHS-DAĐT-SPQG

6. Mẫu Phiếu nhận xét thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG: Mẫu A6-PNXNV-DAĐT-SPQG

7. Mẫu Phiếu đánh giá hồ sơ Dự án đầu tư SPQG: Mẫu A7-PĐGHS-DAĐT-SPQG

8. Mẫu Phiếu đánh giá thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG: Mẫu A8-PĐGNV-DAĐT-SPQG

9. Mẫu Biên bản kiểm phiếu đánh giá hồ sơ Dự án đầu tư SPQG: Mẫu A9-BBKPHS-DAĐT-SPQG

10. Mẫu Biên bản kiểm phiếu đánh giá thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG: Mẫu A9-BBKPNV-DAĐT-SPQG

11. Mẫu Biên bản họp hội đồng xét duyệt: Mẫu A11-BBHĐ-DAĐT-SPQG

12. Mẫu Danh mục các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG được Hội đồng xét duyệt đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN: Mẫu A12-DMNV-DAĐT-SPQG

13. Mẫu Tổng hợp danh mục các Dự án đầu tư SPQG và nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG đề nghị được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN: Mẫu A13-THDM-DAĐT-SPQG

Mẫu A1-ĐK-DAĐT-SPQG
28/2014/TT-BKHCN

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT DUYỆT HỒ SƠ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

Kính gửi:..... *(tên Cơ quan chủ quản SPQG)*

1. Tổ chức đăng ký xét duyệt hồ sơ Dự án đầu tư SPQG: *(tên Tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG)*

2. Tên Dự án đầu tư SPQG:

.....
.....

3. Tên Sản phẩm quốc gia: *(ghi tên Sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)*

.....
.....

4. Thuộc: Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020

Hồ sơ đăng ký xét duyệt gồm 01 bộ hồ sơ gốc và một bản điện tử (dạng PDF) các tài liệu của sau:

a) 01 Đơn đăng ký của tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG theo mẫu A1-ĐK-DAĐT-SPQG;

b) 01 bản chính Thuyết minh về Dự án đầu tư SPQG theo mẫu A2-TMDA-DAĐT-SPQG và các bản chính Thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG theo mẫu A3-TMNV-DAĐT-SPQG;

c) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của Dự án đầu tư SPQG và các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có);

d) Báo cáo kết quả thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định và giám định công nghệ của dự án theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

đ) Bản sao có chứng thực của 01 trong các văn bản: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN, văn bản đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG;

e) 01 Báo cáo tóm tắt hoạt động KH&CN, sản xuất kinh doanh của tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG.

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này là đúng sự thật./.

....., ngày..... tháng..... năm 20...
THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Mẫu A2-TMDA-DAĐT-SPQG
28/2014/TT-BKHCN

THUYẾT MINH[1]
VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

1.	**Tên dự án:**	**Mã số:** *(do Bộ KH&CN cấp sau khi được phê duyệt)*
2.	**Cơ quan chủ quản SPQG:**	
3.	**Tên Sản phẩm quốc gia:** *(ghi tên Sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)*	
4.	**Thời gian thực hiện:**..... năm (Từ năm 20... đến năm 20.....) - Giai đoạn 1: Từ tháng..../20... đến tháng..../20..... - Giai đoạn 2: Từ tháng..../20... đến tháng..../20.....	
5.	**Quy mô đầu tư Dự án đầu tư SPQG:** Tổng mức đầu tư:..... tỷ đồng Cơ cấu nguồn vốn: - Kinh phí tự có:..... tỷ đồng - Kinh phí khác:..... tỷ đồng - Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước:..... tỷ đồng	
6.	**Giám đốc Dự án đầu tư SPQG:** Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam/Nữ:..... Học hàm, học vị:..... Chức danh khoa học:..... Chức vụ:..... Điện thoại của tổ chức:..... Nhà riêng:..... Mobile:..... Fax:..... E-mail:..... Tên tổ chức đang công tác:..... Địa chỉ tổ chức:..... Địa chỉ nhà riêng:	

[1] Bản Thuyết minh này chỉ thể hiện các nội dung đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN đối với Dự án đầu tư SPQG.

<table>
<tr><td>7.</td><td colspan="4">Tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG:
Tên tổ chức:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
E-mail:..... Website:.....
Địa chỉ:.....
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....
Số tài khoản:..... Ngân hàng/Kho bạc nhà nước.....</td></tr>
<tr><td rowspan="5">8.</td><td colspan="4">Các tổ chức phối hợp: (nếu có)</td></tr>
<tr><td>TT</td><td>Tên tổ chức</td><td>Địa chỉ</td><td>Bộ chủ quản</td></tr>
<tr><td>1</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>2</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>9.</td><td colspan="4">Địa điểm, quy mô triển khai dự án:</td></tr>
<tr><td>10.</td><td colspan="4">Thông tin về công nghệ và năng lực thực hiện dự án:</td></tr>
<tr><td colspan="5">10.1. Xuất xứ công nghệ: (nêu rõ nguồn gốc, xuất xứ công nghệ của dự án đầu tư: từ kết quả trong nước hoặc chuyển giao từ nước ngoài,...)

10.2. Năng lực của tổ chức chủ trì:
- Năng lực về sản xuất: (năng lực về vốn, nhân lực, đất đai, điều kiện sản xuất khác...)

- Năng lực về khoa học và công nghệ: (thiết bị, trình độ kỹ thuật, điều kiện con người, cơ sở vật chất....)

10.3. Khả năng huy động, phối hợp: (về nhân lực, tiềm lực sản xuất, khoa học và công nghệ....)</td></tr>
</table>

11.	**Căn cứ xây dựng dự án:**

11.1. Căn cứ pháp lý: *(liệt kê đầy đủ các văn bản quyết định có liên quan đến dự án đầu tư, liên quan đến Quyết định số 2441/QĐ-TTg,...)*

11.2. Căn cứ thực tế: *(sự cần thiết đối với dự án đầu tư, bối cảnh thị trường, tính khả thi về năng lực như vốn, công nghệ, về cung cấp và tiêu thụ sản phẩm...)*

11.3. Luận giải các nội dung đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN: *(sự cần thiết, nêu rõ tính cấp thiết và khả thi đối với các nội dung đề nghị hỗ trợ...)*

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, TIẾN ĐỘ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

12.	**Mục tiêu:**

12.1. Mục tiêu kinh tế *(được lượng hóa bằng các chỉ tiêu như năng suất, công suất, chất lượng của sản phẩm, phục vụ xuất khẩu hay tiêu dùng trong nước, giải quyết những mục tiêu gì phục vụ chiến lược phát triển của ngành lĩnh vực chiến lược phát triển kinh tế - xã hội,...)*

12.2. Mục tiêu về KH&CN *(nêu rõ làm chủ và nâng cao những công nghệ gì? thuộc lĩnh vực nào, ở trình độ ra sao so với trong khu vực và quốc tế,...)*

12.3. Mục tiêu về xã hội và môi trường *(tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo môi trường và phát triển bền vững,...)*

13.	**Nội dung:** *(chỉ liệt kê những nội dung trọng tâm đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN)*

13.1. Nội dung 1.....

13.2. Nội dung 2.....

.....

14.	**Tiến độ thực hiện:**			
TT	Nội dung trọng tâm	Sản phẩm phải đạt	Thời gian (BĐ-KT)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*
1				
2				
3				
...				

15.	**Các giải pháp thực hiện:** *(liệt kê những giải pháp chủ yếu để thực hiện dự án....)*

III. SẢN PHẨM DỰ ÁN

16.	**Dạng kết quả dự kiến của dự án:**		
I		**II**	**III**
♦ Dây chuyền công nghệ		♦ Quy trình công nghệ	♦ Chương trình máy tính
♦ Thiết bị, máy móc		♦ Phương pháp	♦ Đề án quy hoạch triển khai
♦ Vật liệu		♦ Quy phạm	♦ Luận chứng kinh tế - kỹ thuật, nghiên cứu khả thi
♦ Sản phẩm thương mại		♦ Tiêu chuẩn	♦ Khác

17. Yêu cầu khoa học đối với sản phẩm tạo ra: *(dạng kết quả II, III)*

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học	Chú thích
1	*2*	*3*	*4*
1			
2			
3			
..			

18. Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm tạo ra: *(dạng kết quả I)*

Số TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1						
2						
3						
...						

19.	**Địa điểm và thời gian ứng dụng:** *(ghi rõ tên sản phẩm cụ thể, địa chỉ và thời gian ứng dụng các sản phẩm của Dự án đầu tư SPQG)*			
Số TT	Tên sản phẩm	Địa chỉ	Thời gian	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*
1				
2				
3				
...				

20. Hiệu quả của dự án:

20.1. Hiệu quả về kinh tế: *(phân tích rõ hiệu quả kinh tế trực tiếp và gián tiếp do Dự án mang lại gồm: làm lợi do thay thế nhập khẩu, tăng tỷ lệ nội địa hóa, thuê chuyên gia... so với hiện tại)*

20.2. Hiệu quả về KH&CN: *(có được công nghệ, sản phẩm gì được tạo ra, công nghệ, sản phẩm gì được hoàn thiện, công nghệ gì được bản địa hóa, tác động đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh,...)*

20.3. Hiệu quả về xã hội và môi trường: *(ảnh hưởng tác động, tạo công ăn việc làm, tăng sức cạnh tranh các sản phẩm, tăng thu nhập cho người lao động, thân thiện môi trường, phát triển bền vững,...)*

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN TÀI CHÍNH

21. Kinh phí thực hiện dự án:

21.1. Quy mô đầu tư:

Tổng mức đầu tư:..... tỷ đồng

21.2. Cơ cấu nguồn vốn:

- Kinh phí tự có:..... tỷ đồng
- Kinh phí khác:.....tỷ đồng
- Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước:..... tỷ đồng

22.	**Phương án huy động các nguồn tài chính:**

22.1. Phương án huy động các nguồn tài chính: *(Liệt kê các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn đã có và nêu phương án huy động các nguồn vốn)*

- Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: *(từ các nguồn: Kinh phí sự nghiệp KH&CN; kinh phí đầu tư phát triển; kinh phí sự nghiệp kinh tế; vốn ODA, viện trợ của nước ngoài)*

- Nguồn vốn hỗ trợ từ các quỹ: *(từ các nguồn: Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia; Quỹ phát triển KH&CN quốc gia; Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp; các quỹ khác)*

- Nguồn vốn vay từ Ngân hàng phát triển Việt Nam và các Ngân hàng thương mại*:*

- Các nguồn vốn huy động khác ngoài ngân sách: *(từ các nguồn: Vốn tự có của doanh nghiệp, vốn huy động từ nguồn hợp pháp khác)*

22.2. Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN:

V. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

Số TT	Tên nhiệm vụ	Chủ nhiệm	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Sản phẩm và các chỉ tiêu KT-KT chủ yếu	Thời gian thực hiện		Ghi chú
						Bắt đầu	Kết thúc	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
1								
2								
3								
..								

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

Số TT	Tên nhiệm vụ	Kinh phí thực hiện *(tỷ đồng)*			Ghi chú
		Tổng kinh phí	Ngân sách sự nghiệp KH&CN	Kinh phí khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1					
2					
3					
..					
	Cộng				

VII. KIẾN NGHỊ:

..... ngày..... tháng..... năm 20...

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG
(Họ, tên và chữ ký)

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

TL. THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CHỦ QUẢN SPQG
THỦ TRƯỞNG (*)
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ SPQG
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

(*) Chỉ ký và đóng dấu khi có quyết định phê duyệt.

Mẫu A3-TMNV-DAĐT-SPQG
28/2014/TT-BKHCN

THUYẾT MINH
NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

I. THÔNG TIN CHUNG

1.	**Tên nhiệm vụ:**	**Mã số:** *(do Bộ KH&CN cấp sau khi được phê duyệt)*
2.	**Thuộc Dự án đầu tư SPQG:**	
	.....	
	.....	
3.	**Chủ nhiệm nhiệm vụ:**	
	Họ và tên:.....	
	Ngày, tháng, năm sinh:..... Giới tính: Nam ☐ /Nữ: ☐	
	Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:.....	
	Chức danh khoa học:..... Chức vụ:.....	
	Điện thoại CQ:..... Nhà riêng:..... Mobile:.....	
	Fax:..... E-mail:.....	
	Tên đơn vị công tác:.....	
	Địa chỉ đơn vị công tác:.....	
4.	**Tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG (Bên nhận/ứng dụng công nghệ):**	
	4.1. Tên tổ chức:.....	
	Tên tổ chức:.....	
	Điện thoại:..... Fax:.....	
	E-mail:..... Website:.....	
	Địa chỉ:.....	
	Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....	
	Số tài khoản:..... Ngân hàng/Kho bạc nhà nước.....	
	4.2. Giám đốc dự án:	
	Họ và tên:.....	
	Điện thoại CQ:..... Mobile:.....	
	Fax:..... E-mail:.....	

5.	**Thời gian thực hiện:**..... tháng (từ tháng...../20.... đến tháng...../20.....)
6.	**Tổng vốn thực hiện:**..... triệu đồng, trong đó:

Nguồn kinh phí	*Kinh phí (triệu đồng)*
- Từ ngân sách chi sự nghiệp KH&CN	
- Từ nguồn ngân sách nhà nước khác	
- Từ các quỹ	
- Vốn tín dụng	
- Vốn tự có	
- Nguồn huy động khác	

7. Tổ chức chủ trì công nghệ (Bên giao công nghệ):

7.1. Tên tổ chức:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
E-mail:..... Website:.....
Địa chỉ:.....
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....
Số tài khoản:..... Ngân hàng/Kho bạc nhà nước.....
7.2. Cá nhân chủ trì:
Họ và tên:.....
Ngày, tháng, năm sinh:..... Giới tính: Nam ☐ / Nữ: ☐
Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:.....
Chức danh khoa học:..... Chức vụ:.....
Điện thoại CQ:..... Nhà riêng:..... Mobile:.....
Fax:..... E-mail:.....
Tên đơn vị công tác:.....
Địa chỉ đơn vị công tác:.....

8. Xuất xứ và đối tượng công nghệ chuyển giao/ứng dụng:

8.1. Xuất xứ và cơ sở pháp lý của công nghệ chuyển giao/ứng dụng:
(ghi một trong các xuất xứ sau:
- Công nghệ từ nước ngoài;
- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) trong nước, dự án sản xuất thử nghiệm (không bao gồm các công nghệ đã được nghiên - cứu, hoàn thiện thuộc Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia);
- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ khác.

Cần nêu tên, số hợp đồng chuyển giao công nghệ; ghi rõ tên đề tài, dự án, mã số; số Quyết định đánh giá nghiệm thu/Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền; tên văn bằng bảo hộ, chứng chỉ, ngày cấp; các văn bản pháp lý có liên quan)

8.2. Đối tượng công nghệ chuyển giao/ứng dụng:
(Đối tượng công nghệ chuyển giao/ứng dụng là một phần hoặc toàn bộ công nghệ sau:
- Bí quyết kỹ thuật;
- Kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu;
- Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ;
- Mua sắm, nhập khẩu máy móc thiết bị chuyên dụng trong nước chưa sản xuất được phục vụ nghiên cứu hoàn thiện công nghệ cho dự án phát triển sản phẩm quốc gia)

8.3. Hình thức chuyển giao công nghệ: *(ghi rõ hình thức chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật)*

8.4. Phương thức chuyển giao công nghệ:
(ghi các phương thức chuyển giao công nghệ sau:
- Chuyển giao tài liệu về công nghệ;
- Đào tạo cho bên nhận công nghệ nắm vững và làm chủ công nghệ theo thời hạn quy định trong hợp đồng chuyển giao công nghệ;
- Cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật cho bên nhận công nghệ đưa công nghệ vào sản xuất với chất lượng công nghệ và chất lượng sản phẩm đạt các chỉ tiêu và tiến độ quy định trong hợp đồng chuyển giao công nghệ;
- Phương thức chuyển giao khác do các bên thỏa thuận)

8.5. Giá và phương thức thanh toán chuyển giao công nghệ: *(giá và phương thức thanh toán trong hợp đồng chuyển giao công nghệ do các bên đã thỏa thuận)*

9.	**Luận giải sự cần thiết phải chuyển giao/ứng dụng công nghệ:**

9.1. Làm rõ về công nghệ và đối tượng công nghệ chuyển giao/ứng dụng: *(nêu tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có, khả năng triển khai công nghệ, tính phù hợp của công nghệ đối với Dự án đầu tư SPQG)*

9.2. Tác động của việc chuyển giao/ứng dụng công nghệ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Dự án đầu tư SPQG: *(nêu tác động của việc chuyển giao công nghệ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, hệ thống quản lý, môi trường, sức khỏe người lao động,...)*

9.3. Lợi ích kinh tế, khả năng mở rộng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm: *(nêu hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng công nghệ; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu, khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm,...)*

9.4. Năng lực thực hiện của bên giao công nghệ: *(nêu mức độ cam kết và năng lực thực hiện của bên giao công nghệ về tài liệu, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật,..).*

9.5. Năng lực thực hiện của bên nhận/ứng dụng công nghệ: *(nêu cơ sở hạ tầng; máy móc, thiết bị; nhân lực khoa học; khả năng tài chính; phương án tiếp nhận công nghệ; phương án tổ chức sản xuất sản xuất; khả năng nhân rộng, phát triển công nghệ,...).*

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN

10.	**Mục tiêu:** *(nêu mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể cần đạt sau khi chuyển giao/ứng dụng công nghệ)*

11.	**Nội dung:**

11.1. Mô tả công nghệ và đối tượng công nghệ chuyển giao/ứng dụng: *(mô tả sơ đồ công nghệ và đối tượng công nghệ chuyển giao/ứng dụng: dây chuyền công nghệ, quy trình công nghệ, hệ thống máy móc thiết bị, các thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm công nghệ,...)*

11.2. Phân tích các vấn đề chính cần giải quyết: *(nêu hiện trạng của công nghệ và các vấn đề chính đặt ra để nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ, đảm bảo các thông số kỹ thuật, ổn định chất lượng sản phẩm,...)*

11.3. Các nội dung, công việc chính cần thực hiện: *(nêu các nội dung, công việc chính cần thực hiện để nắm vững và làm chủ công nghệ, hoàn thiện công nghệ, ổn định công nghệ: nội dung cần nghiên cứu; công tác chuyên gia; đào tạo công nghệ, tập huấn kỹ thuật; sản xuất thử nghiệm lô số không; nội dung, công việc khác)*

1) Nội dung 1:.....
- Công việc 1:.....
- Công việc 2:.....

.....

2) Nội dung 2:.....
- Công việc 1:.....
- Công việc 2:.....

.....

3) Nội dung 3:.....
- Công việc 1:.....
- Công việc 2:.....

.....

12. Phương án tổ chức thực hiện:

12.1. Phương án tổ chức thực hiện các nội dung chuyển giao/ứng dụng công nghệ: *(nêu phương án tổ chức triển khai các nội dung, công việc và cụ thể hóa các giải pháp thực hiện)*

12.2. Phương án tổ chức thực hiện sản xuất thử nghiệm lô số không:

a) Phương án tổ chức thực hiện: *(nêu phương án tổ chức thực hiện; phương án liên doanh, liên kết với các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp khác trong việc sản xuất thử nghiệm lô số không)*

b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai sản xuất thử nghiệm
- Địa điểm triển khai, hạ tầng cơ sở;
- Trang thiết bị, máy móc *(đã có, mua mới);*
- Nguyên vật liệu cần thiết trong quá trình sản xuất thử nghiệm lô số không;
- Nhân lực cần thiết cho sản xuất thử nghiệm *(số lượng cán bộ quản lý, các bộ khoa học kỹ thuật và lao động phổ thông; nhu cầu đào tạo, tập huấn);*
- Môi trường (*đánh giá tác động môi trường và giải pháp khắc phục).*

13.	**Tiến độ thực hiện:**				
	Các nội dung, công việc chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện	Dự kiến kinh phí
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1	Nội dung 1				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
	...				
2	Nội dung 2				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
	....				

III. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH VÀ PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH TẾ

14. Kinh phí thực hiện:

Tổng vốn thực hiện:..... triệu đồng

Trong đó:

- Vốn cố định:..... triệu đồng
- Vốn lưu động:..... triệu đồng

15. Phương án huy động các nguồn tài chính:

15.1. Phương án huy động các nguồn tài chính: *(Liệt kê các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn đã có và nêu phương án huy động các nguồn vốn)*

- Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước *(từ các nguồn: Kinh phí sự nghiệp KH&CN; kinh phí đầu tư phát triển; kinh phí sự nghiệp kinh tế; vốn ODA, viện trợ của nước ngoài):*

- Nguồn vốn hỗ trợ từ các quỹ *(từ các nguồn: Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia; Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia; Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; các quỹ khác):*

- Nguồn vốn vay từ Ngân hàng phát triển Việt Nam và các Ngân hàng thương mại:

- Các nguồn vốn huy động khác ngoài ngân sách *(từ các nguồn: Vốn tự có của doanh nghiệp, vốn huy động từ nguồn hợp pháp khác)*

15.2. Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN:

16. Phân tích hiệu quả đầu tư:

16.1. Tính toán giá thành sản phẩm: *(hạch toán tổng chi phí và tính toán giá thành của 1 đơn vị sản phẩm)*

16.2. Phân tích hiệu quả đầu tư: *(tính toán thời gian thu hồi vốn, lãi ròng so với vốn đầu tư, lãi ròng so với doanh thu)*

17. Hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường:

(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường....)

IV. SẢN PHẨM

18. Sản phẩm và yêu cầu chất lượng cần đạt:

- Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định: *(quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật)*

- Sản phẩm sản xuất thử nghiệm: *(chủng loại, số lượng, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)*

- Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp: *(phân tích, làm rõ các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật của công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm và so sánh với công nghệ chuyển giao, sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài)*

19. Khả năng ứng dụng và phát triển công nghệ

19.1. Khả năng ứng dụng công nghệ:

- Khả năng về thị trường: *(dự báo nhu cầu thị trường trong và ngoài nước)*

- Khả năng về ứng dụng công nghệ vào sản xuất kinh doanh: *(khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)*

19.2. Khả năng phát triển công nghệ: *(phân tích tính ưu việt về công nghệ và khả năng phát triển công nghệ: khả năng nhân rộng, chuyển giao công nghệ; liên doanh, liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp khác sản xuất SPQG)*

V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ NGUỒN VỐN

Đơn vị: triệu đồng

20.	**Kinh phí thực hiện phân theo các khoản chi**							
STT	Nguồn vốn	Tổng số	Trong đó					
			Nhà xưởng xây mới, cải tạo	Thiết bị, máy móc	Nguyên vật liệu, năng lượng	Hỗ trợ công nghệ	Công lao động	Chi khác
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
1	Vốn ngân sách SNKH							
2	Vốn ngân sách khác							
3	Vốn tín dụng							
4	Vốn doanh nghiệp							
5	Vốn từ các quỹ							
6	Vốn khác							
Cộng								

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....
.....
.....

....., ngày.... tháng.... năm 20...
CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Họ tên, chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20....
GIÁM ĐỐC
DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG
(Họ tên, chữ ký)

....., ngày.... tháng.... năm 20....
THỦ TRƯỞNG (*)
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ SPQG
(Họ tên, chữ ký, dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....
THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG
(Họ tên, chữ ký, dấu)

(*) Chỉ ký và đóng dấu khi có quyết định phê duyệt

Phụ lục

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí thực hiện	Chia theo nguồn vốn											
			Vốn ngân sách SNKH		Vốn ngân sách khác		Vốn vay tín dụng		Vốn Doanh nghiệp		Vốn từ các quỹ		Vốn khác	
			Tổng số	Tỷ lệ*	Tổng số	Tỷ lệ*	Tổng số	Tỷ lệ*	Tổng số	Tỷ lệ*	Tổng số	Tỷ lệ*	Tổng số	Tỷ lệ*
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo													
2	Thiết bị, máy móc mua mới													
3	Hỗ trợ công nghệ													
4	Công lao động													
5	Nguyên vật liệu, năng lượng													
6	Chi khác													
	Tổng cộng													

(*) Tính tỷ lệ % so với Tổng kinh phí thực hiện (cột 3)

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1. ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

A. Nhà xưởng đã có *(tính giá trị còn lại)*

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1					
2					
...					
	Cộng				

B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Kinh phí	Chia theo các nguồn vốn					
			Vốn ngân sách SNKH	Vốn ngân sách khác	Vốn vay tín dụng	Vốn doanh nghiệp	Vốn từ các quỹ	Vốn khác
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
1	Xây dựng nhà xưởng mới							
2	Chi phí sửa chữa cải tạo							
3	...							
	Cộng							

Khoản 2. THIẾT BỊ, MÁY MÓC

A. Thiết bị hiện có *(tính giá trị còn lại)*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
I	**Thiết bị công nghệ**				
1					
2					
3					
...					
II	**Thiết bị thử nghiệm, đo lường**				
1					
2					
3					
...					
	Cộng				

B. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chia theo các nguồn vốn					
						Vốn ngân sách SNKH	Vốn ngân sách khác	Vốn vay tín dụng	Vốn doanh nghiệp	Vốn từ các quỹ	Vốn khác
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Mua thiết bị công nghệ										
2	Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường										
3	Chi phí thuê thiết bị										
4	Mua bằng sáng chế, bản quyền, bí quyết, giải pháp công nghệ										
5	Mua kiến thức kỹ thuật về công nghệ (phương án, quy trình, chương trình, bản vẽ…)										
6	Vận chuyển lắp đặt										
	Cộng										

Khoản 3. HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ

TT	Nội dung chi	Chi phí	Chia theo các nguồn vốn					
			Vốn ngân sách SNKH	Vốn ngân sách khác	Vốn vay tín dụng	Vốn doanh nghiệp	Vốn từ các quỹ	Vốn khác
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
A	**Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ (kể cả công nghệ nhập)**							
1	Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ							
2	Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật							
3	Ổn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào							
4	Ổn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm							
5	……..							
B	**Chi phí đào tạo công nghệ**							
1	Cán bộ công nghệ							
2	Công nhân vận hành							
	Cộng							

Khoản 4. CÔNG LAO ĐỘNG *(Để hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử nghiệm lô số không)*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Số người	Số tháng	Chi phí (tr.đ/ người/ tháng)	Thành tiền	Chia theo các nguồn vốn					
						Vốn ngân sách SNKH	Vốn ngân sách khác	Vốn vay tín dụng	Vốn doanh nghiệp	Vốn từ các quỹ	Vốn khác
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ										
2	Kỹ sư										
3	Nhân viên kỹ thuật										
4	Công nhân										
5	**Cộng**										

Khoản 5. NGUYÊN VẬT LIỆU, NĂNG LƯỢNG *(Để hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử nghiệm lô số không)*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chia theo các nguồn vốn					
						Vốn ngân sách SNKH	Vốn ngân sách khác	Vốn vay tín dụng	Vốn doanh nghiệp	Vốn từ các quỹ	Vốn khác
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
I	Nguyên, vật liệu										
1											
...											
II	Dụng cụ, phụ tùng, vật liệu rẻ tiền mau hỏng										
1											
...											
III	Năng lượng										
1	Điện										
2	Nước										
3	Xăng dầu										
	Cộng										

Khoản 6. CHI KHÁC

TT	Nội dung chi	Chi phí	Chia theo các nguồn vốn					
			Vốn ngân sách SNKH	Vốn ngân sách khác	Vốn vay tín dụng	Vốn doanh nghiệp	Vốn từ các quỹ	Vốn khác
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
1	Công tác phí							
2	Quản lý phí							
3	Bảo dưỡng, bảo trì thiết bị							
4	Chi phí đánh giá nghiệm thu							
5	Chi khác							
	Cộng							

Mẫu A4-DMSB-DAĐT-SPQG
28/2014/TT-BKHCN

BỘ/NGÀNH:.....
(tên Cơ quan chủ quản SPQG)
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ SPQG

DANH MỤC SƠ BỘ
DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG VÀ NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG ĐƯA RA HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT

Thuộc Sản phẩm quốc gia:
(Ghi tên Sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)

I. Dự án đầu tư SPQG 1:.....

Số TT	Tên nhiệm vụ	Chủ nhiệm	Mục tiêu chủ yếu	Nội dung chủ yếu	Sản phẩm chủ yếu	Thời gian thực hiện (bắt đầu/ kết thúc)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1	Nhiệm vụ 1					
2	Nhiệm vụ 2					
3	...					

II. Dự án đầu tư SPQG 2:

.....

Số TT	Tên nhiệm vụ	Chủ nhiệm	Mục tiêu chủ yếu	Nội dung chủ yếu	Sản phẩm chủ yếu	Thời gian thực hiện (bắt đầu/ kết thúc)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1	Nhiệm vụ 1					
2	Nhiệm vụ 2					
3	...					

Ngày tháng năm 20
THỦ TRƯỞNG
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ SPQG
(Ký tên, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Mẫu A5-PNXHS-DAĐT-SPQG
28/2014/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH.....
(tên Cơ quan chủ quản SPQG)

HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

PHIẾU NHẬN XÉT
HỒ SƠ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

1. Họ và tên người nhận xét:

1. Tên Dự án đầu tư SPQG:
thuộc Sản phẩm quốc gia: *(ghi tên Sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)*
Cơ quan chủ quản SPQG:
2. Tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG:
Tên tổ chức:
Giám đốc dự án:

2. Phần nhận xét

Tiêu chí nhận xét	***Nhận xét của thành viên HĐ***				
	4	**3**	**2**	**1**	**0**
1. Tổng quan về hồ sơ đăng ký xét duyệt					
a) Mức độ đầy đủ, phù hợp của Hồ sơ đăng ký xét duyệt *(Căn cứ vào quy định tại Điều 5 của Thông tư này)*	☐	☐	☐	☐	☐
b) Mức độ đầy đủ về thông tin chung của hồ sơ *(căn cứ vào các tài liệu của hồ sơ và các mục từ 1 đến 9 phần I - TMDA)*	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:					

2. Mức độ đầy đủ, phù hợp thông tin về công nghệ và tính khả thi của Dự án đầu tư SPQG *(căn cứ mục 10 - TMDA)*	
a) Xuất xứ công nghệ *(mức độ rõ ràng về nguồn gốc, xuất xứ công nghệ, tính tiên tiến, phù hợp của công nghệ,...)*	☐☐☐☐☐
b) Năng lực của tổ chức chủ trì: - Năng lực về sản xuất: *(năng lực về vốn, nhân lực, đất đai, điều kiện sản xuất khác...)* - Năng lực về KH&CN: *(thiết bị, trình độ kỹ thuật, điều kiện con người, cơ sở vật chất...)*	☐☐☐☐☐
c) Khả năng huy động và phối hợp *(về nhân lực, tiềm lực sản xuất, KH&CN...)*	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:	
3. Căn cứ xây dựng dự án đầu tư SPQG *(căn cứ mục 11 - TMDA)*	
a) Căn cứ pháp lý và thực tế *(sự cần thiết đối với dự án đầu tư, bối cảnh thị trường, tính khả thi về năng lực như vốn, công nghệ, về cung cấp và tiêu thụ sản phẩm...)*	☐☐☐☐☐
b) Luận giải các nội dung đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN *(sự cần thiết, nêu rõ quan điểm của tác giả về tính cấp thiết và khả thi đối với các nội dung đề nghị hỗ trợ...)*	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:	
4. Mục tiêu, nội dung và giải pháp thực hiện *(căn cứ các mục 12, 13, 14, 15 Phần II - TMDA)*	
a) Mục tiêu dự án *(kinh tế, KH&CN, xã hội và môi trường)*	☐☐☐☐☐
b) Mức độ hợp lý về nội dung trọng tâm đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN	☐☐☐☐☐
c) Mức độ hợp lý về tiến độ và giải pháp thực hiện các nội dung của dự án	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:	

5. Sản phẩm tạo ra và hiệu quả của Dự án đầu tư SPQG *(căn cứ các mục 16, 17, 18, 19, 20 Phần III-TMDA)*	
a) Số lượng, chủng loại sản phẩm tạo ra của Dự án đầu tư SPQG	☐☐☐☐☐
b) Yêu cầu chất lượng và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với sản phẩm tạo ra	☐☐☐☐☐
c) Hiệu quả của dự án *(hiệu quả kinh tế, KH&CN, xã hội và môi trường*	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:	
6. Kinh phí thực hiện Dự án đầu tư SPQG *(căn cứ các mục 20, 21 Phần IV-TMDA)*	
a) Phương án huy động các nguồn tài chính	☐☐☐☐☐
b) Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:	
Ý kiến nhận xét chung	☐☐☐☐☐

<u>Ghi chú:</u> Đánh dấu X vào ô nhận xét của thành viên hội đồng theo thang điểm:

4 = Rất tốt *(đầy đủ, rõ ràng)*; **3** = Tốt *(đạt yêu cầu)*; **2** = Trung bình *(chưa đáp ứng yêu cầu, cần bổ sung, sửa đổi)*; **1** = Kém *(không rõ ràng, thiếu thông tin)*; **0** = Rất kém *(không đạt yêu cầu)*

3. Khuyến nghị về những nội dung cần bổ sung, sửa đổi trong Hồ sơ, Thuyết minh về Dự án đầu tư SPQG:

4. Kết luận nhận xét của thành viên hội đồng: *(đánh dấu X vào ô nhận xét)*

- Đáp ứng yêu cầu: ☐

- Không đáp ứng yêu cầu: ☐

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu A6-PNXNV-DAĐT-SPQG
28/2014/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH.....
(tên Cơ quan chủ quản SPQG)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT

....., ngày.... tháng..... năm 20.....

PHIẾU NHẬN XÉT
THUYẾT MINH NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

1. Họ và tên người nhận xét:

1. Tên nhiệm vụ:
thuộc Dự án đầu tư SPQG:
Chủ nhiệm nhiệm vụ:
2. Tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG
Tên tổ chức:
Giám đốc dự án:

2. Phần nhận xét:

Tiêu chí nhận xét	***Nhận xét của thành viên HĐ***				
	4	**3**	**2**	**1**	**0**
1. Về xuất xứ và đối tượng công nghệ chuyển giao/ứng dụng *(căn cứ mục 8 -TMNV)*					
a) Mức độ rõ ràng, phù hợp về xuất xứ và cơ sở pháp lý của công nghệ chuyển giao/ứng dụng	☐	☐	☐	☐	☐
b) Mức độ phù hợp về đối tượng công nghệ, hình thức và phương thức chuyển giao/ứng dụng công nghệ chuyển giao/ứng dụng	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:					

2. Về luận giải sự cần thiết phải chuyển giao/ứng dụng công nghệ *(căn cứ mục 9 -TMNV)*	
a) Mức độ làm rõ về công nghệ và đối tượng công nghệ cần thiết phải chuyển giao/ứng dụng	☐☐☐☐☐
b) Phân tích tác động của việc chuyển giao/ứng dụng công nghệ, lợi ích kinh tế, khả năng mở rộng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm	☐☐☐☐☐
c) Năng lực thực hiện của bên giao công nghệ	☐☐☐☐☐
d) Năng lực thực hiện của bên nhận/ứng dụng công nghệ	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:	
3. Về mục tiêu, nội dung và phương án tổ chức thực hiện *(căn cứ các mục 10, 11, 12 Phần II -TMNV)*	
a) Về mục tiêu của nhiệm vụ	☐☐☐☐☐
b) Mức độ đầy đủ rõ ràng về mô tả công nghệ và đối tượng công nghệ chuyển giao/ứng dụng	☐☐☐☐☐
c) Mức độ đầy đủ về phân tích các vấn đề chính cần giải quyết	☐☐☐☐☐
d) Mức độ rõ ràng, phù hợp của các nội dung, công việc chính cần thực hiện	☐☐☐☐☐
đ) Mức độ phù hợp phần đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách chi sự nghiệp KH&CN	☐☐☐☐☐
e) Tính khả thi và phù hợp về phương án tổ chức thực hiện các nội dung chuyển giao/ứng dụng công nghệ, sản xuất thử nghiệm Lô số không	☐☐☐☐☐
g) Về tiến độ thực hiện	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:	

4. Về sản phẩm *(căn cứ các mục 18, 19 Phần IV - TMNV)*	
a) Về số lượng, chủng loại, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm	☐☐☐☐☐
b) Mức độ phân tích, làm rõ các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật của công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm	☐☐☐☐☐
c) Khả năng ứng dụng và phát triển công nghệ	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:	
5. Về Phương án tài chính và phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội *(căn cứ các mục 14, 15, 16, 17, 20 - TMNV)*	
a) Phương án huy động các nguồn tài chính	☐☐☐☐☐
b) Phân tích hiệu quả đầu tư, hiệu quả kinh tế - xã hội	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:	
Ý kiến nhận xét chung	☐☐☐☐☐

<u>Ghi chú:</u> Đánh dấu X vào ô nhận xét của thành viên hội đồng theo thang điểm:

4 = Rất tốt *(đầy đủ, rõ ràng)*; **3** = Tốt *(đạt yêu cầu)*; **2** = Trung bình *(chưa đáp ứng yêu cầu, cần bổ sung, sửa đổi)*; **1** = Kém *(không rõ ràng, thiếu thông tin)*; **0** = Rất kém *(không đạt yêu cầu)*

3. Khuyến nghị về những nội dung cần bổ sung, sửa đổi trong Thuyết minh nhiệm vụ:

4. Kết luận nhận xét thành viên hội đồng: *(đánh dấu X vào ô nhận xét)*

- Đề nghị hỗ trợ: ☐

- Không đề nghị hỗ trợ: ☐

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu A7-PĐGHS-DAĐT-SPQG
28/2014/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH.....
(tên Cơ quan chủ quản SPQG)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

1. Họ và tên người đánh giá:

1. Tên Dự án đầu tư SPQG:
thuộc Sản phẩm quốc gia: *(ghi tên Sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)*
Cơ quan chủ quản SPQG:
2. Tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG:
Tên tổ chức:
Giám đốc dự án:

2. Phần đánh giá

Tiêu chí đánh giá	***Đánh giá của thành viên HĐ***					**Hệ số**	***Điểm***	***Tổng điểm***	***Điểm tối đa***
	4	**3**	**2**	**1**	**0**				
1. Tổng quan về hồ sơ đăng ký xét duyệt									**8**
a) Mức độ đầy đủ, phù hợp của Hồ sơ đăng ký xét duyệt *(Căn cứ vào quy định tại Điều 5 của Thông tư này)*	☐	☐	☐	☐	☐	1			4
b) Mức độ đầy đủ về thông tin chung của hồ sơ *(căn cứ vào các tài liệu của hồ sơ và các mục từ 1 đến 9 phần I - TMDA)*	☐	☐	☐	☐	☐	1			4

2. Mức độ đầy đủ, phù hợp thông tin về công nghệ và tính khả thi của Dự án đầu tư SPQG *(căn cứ mục 10 - TMDA)*					**24**
a) Xuất xứ công nghệ *(mức độ rõ ràng về nguồn gốc, xuất xứ công nghệ, tính tiên tiến, phù hợp của công nghệ,...)*	☐☐☐☐☐	2			8
b) Năng lực của tổ chức chủ trì: - Năng lực về sản xuất: *(năng lực về vốn, nhân lực, đất đai, điều kiện sản xuất khác...)* - Năng lực về KH&CN: *(thiết bị, trình độ kỹ thuật, điều kiện con người, cơ sở vật chất...)*	☐☐☐☐☐	2			8
c) Khả năng huy động và phối hợp *(về nhân lực, tiềm lực sản xuất, KH&CN...)*	☐☐☐☐☐	2			8
3. Căn cứ xây dựng dự án đầu tư SPQG *(căn cứ mục 11 - TMDA)*					**16**
a) Căn cứ pháp lý và thực tế *(sự cần thiết đối với dự án đầu tư, bối cảnh thị trường, tính khả thi về năng lực như vốn, công nghệ, về cung cấp và tiêu thụ sản phẩm...)*	☐☐☐☐☐	1			4
b) Luận giải các nội dung đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN *(sự cần thiết, nêu rõ quan điểm của tác giả về tính cấp thiết và khả thi đối với các nội dung đề nghị hỗ trợ...)*	☐☐☐☐☐	3			12
4. Mục tiêu, nội dung và giải pháp thực hiện *(căn cứ các mục 12, 13, 14, 15 Phần II - TMDA)*					**16**
a) Mục tiêu dự án (KH&CN, kinh tế, xã hội và môi trường)	☐☐☐☐☐	1			4
b) Mức độ hợp lý về nội dung trọng tâm đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN	☐☐☐☐☐	1			4
c) Mức độ hợp lý về tiến độ và giải pháp thực hiện các nội dung của dự án	☐☐☐☐☐	2			8
5. Sản phẩm tạo ra và hiệu quả của Dự án đầu tư SPQG *(căn cứ các mục 16, 17, 18, 19, 20 Phần III - TMDA)*					**20**
a) Số lượng, chủng loại sản phẩm tạo ra của Dự án đầu tư SPQG	☐☐☐☐☐	2			8

b) Yêu cầu chất lượng và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với sản phẩm tạo ra	☐☐☐☐☐	2			8
c) Hiệu quả của dự án *(hiệu quả KH&CN, kinh tế, xã hội và môi trường*	☐☐☐☐☐	1			4
6. Kinh phí thực hiện Dự án đầu tư SPQG *(căn cứ các mục 20, 21 Phần IV - TMDA)*					**16**
a) Phương án huy động các nguồn tài chính	☐☐☐☐☐	3			12
b) Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN	☐☐☐☐☐	1			4
Ý kiến đánh giá chung	☐☐☐☐☐				**100**

Ghi chú: ***Đánh dấu X vào ô đánh giá của thành viên hội đồng theo thang điểm:***

4 = Rất tốt *(đầy đủ, rõ ràng)*; **3** = Tốt *(đạt yêu cầu)*; **2** = Trung bình *(chưa đáp ứng yêu cầu, cần bổ sung, sửa đổi)*; **1** = Kém *(không rõ ràng, thiếu thông tin)*; **0** = Rất kém *(không đạt yêu cầu)*

3. Khuyến nghị về những nội dung cần bổ sung, sửa đổi trong Hồ sơ, Thuyết minh về Dự án đầu tư SPQG:

4. Kết luận đánh giá của thành viên hội đồng: *(đánh dấu X vào ô đánh giá)*

- Đáp ứng yêu cầu: ☐ *(Đối với Hồ sơ đạt số điểm đánh giá ≥ 70 điểm)*

- Không đáp ứng yêu cầu: ☐ *(Đối với Hồ sơ đạt số điểm đánh giá < 70 điểm)*

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu A8-PĐGNV-DAĐT-SPQG
28/2014/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH.....
(tên Cơ quan chủ quản SPQG)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT

....., ngày.... tháng..... năm 20.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
THUYẾT MINH NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

1. Họ và tên người đánh giá:

1. Tên nhiệm vụ:
thuộc Dự án đầu tư SPQG:
Chủ nhiệm nhiệm vụ:
2. Tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG:
Tên tổ chức:
Giám đốc dự án:

2. Phần đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	***Đánh giá của thành viên HĐ***					**Hệ số**	***Điểm***	***Tổng điểm***	***Điểm tối đa***
	4	**3**	**2**	**1**	**0**				
1. Xuất xứ và đối tượng công nghệ chuyển giao/ứng dụng *(căn cứ mục 8 - TMNV)*									**8**
a) Mức độ rõ ràng, phù hợp về xuất xứ và cơ sở pháp lý của công nghệ chuyển giao/ứng dụng	☐	☐	☐	☐	☐	1			4
b) Mức độ phù hợp về đối tượng công nghệ, hình thức và phương thức chuyển giao/ứng dụng công nghệ chuyển giao/ứng dụng	☐	☐	☐	☐	☐	1			4
2. Luận giải sự cần thiết phải chuyển giao/ứng dụng công nghệ *(căn cứ mục 8 - TMNV)*									**28**
a) Mức độ làm rõ về công nghệ và đối tượng công nghệ cần thiết phải chuyển giao/ứng dụng	☐	☐	☐	☐	☐	2			8

b) Phân tích tác động của việc chuyển giao/ứng dụng công nghệ, lợi ích kinh tế, khả năng mở rộng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm	☐☐☐☐☐	1			4
c) Năng lực thực hiện của bên giao công nghệ	☐☐☐☐☐	2			8
d) Năng lực thực hiện của bên nhận/ứng dụng công nghệ	☐☐☐☐☐	2			8
3. Mục tiêu, nội dung và phương án tổ chức thực hiện *(căn cứ các mục 10, 11, 12 Phần II - TMNV)*					**32**
a) Mục tiêu của nhiệm vụ	☐☐☐☐☐	1			4
b) Mức độ đầy đủ rõ ràng về mô tả công nghệ và đối tượng công nghệ chuyển giao/ứng dụng	☐☐☐☐☐	1			4
c) Mức độ đầy đủ về phân tích các vấn đề chính cần giải quyết	☐☐☐☐☐	1			4
d) Mức độ rõ ràng, phù hợp của các nội dung, công việc chính cần thực hiện	☐☐☐☐☐	1			4
đ) Mức độ phù hợp phần đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách chi sự nghiệp KH&CN	☐☐☐☐☐	1			4
e) Tính khả thi và phù hợp về phương án tổ chức thực hiện các nội dung chuyển giao/ứng dụng công nghệ, sản xuất thử nghiệm Lô số không	☐☐☐☐☐	2			8
g) Tiến độ thực hiện	☐☐☐☐☐	1			4
4. Sản phẩm *(căn cứ các mục 18, 19 Phần IV -TMNV)*					**12**
a) Số lượng, chủng loại, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm	☐☐☐☐☐	1			4
b) Mức độ phân tích, làm rõ các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật của công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm	☐☐☐☐☐	1			4
c) Khả năng ứng dụng và phát triển công nghệ	☐☐☐☐☐	1			4

5. Phương án tài chính và phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội *(căn cứ các mục 14, 15, 16, 17, 20 - TMNV)*					**20**
a) Phương án huy động các nguồn tài chính	☐☐☐☐☐	3			12
b) Phân tích hiệu quả đầu tư, hiệu quả kinh tế - xã hội	☐☐☐☐☐	2			8
Ý kiến đánh giá chung	☐☐☐☐☐				**100**

<u>Ghi chú:</u> Đánh dấu X vào ô đánh giá của thành viên hội đồng theo thang điểm:

4 = Rất tốt *(đầy đủ, rõ ràng)*; **3** = Tốt *(đạt yêu cầu)*; **2** = Trung bình *(chưa đáp ứng yêu cầu, cần bổ sung, sửa đổi)*; **1** = Kém *(không rõ ràng, thiếu thông tin)*; **0** = Rất kém *(không đạt yêu cầu)*

3. Khuyến nghị về những nội dung cần bổ sung, sửa đổi trong Thuyết minh nhiệm vụ:

4. Kết luận đánh giá thành viên hội đồng: *(đánh dấu X vào ô đánh giá)*

- Đề nghị hỗ trợ: ☐ *(Đối với Thuyết minh nhiệm vụ đạt số điểm đánh giá ≥ 70 điểm)*

- Không đề nghị hỗ trợ: ☐ *(Đối với Thuyết minh nhiệm vụ có số điểm đánh giá < 70 điểm)*

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu A9-BBKPHS-DAĐT-SPQG
28/2014/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH.....
(tên Cơ quan chủ quản SPQG)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT

....., ngày..... tháng.... năm 20.....

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

1. Tên Dự án đầu tư SPQG:

2. Quyết định thành lập Hội đồng số ...../QĐ-..... ngày..... /..../20.....
của..... *(Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG)*
3. Tổng số thành viên hội đồng:...../.... Số thành viên vắng mặt:...../.....
4. Kết quả kiểm phiếu:
- Số phiếu phát ra: - Số phiếu thu về:
- Số phiếu hợp lệ: - Số phiếu không hợp lệ:

Kết quả bỏ phiếu:

Số TT	Họ và tên thành viên hội đồng	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
	Tổng số		

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

ỦY VIÊN THỨ NHẤT	ỦY VIÊN THỨ HAI	TRƯỞNG BAN
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*	*(Họ, tên và chữ ký)*

Mẫu A10-BBKPNV-DAĐT-SPQG
28/2014/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH.....
(tên Cơ quan chủ quản SPQG)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ THUYẾT MINH NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

1. Tên Dự án đầu tư SPQG:

2. Quyết định thành lập Hội đồng số ...../QĐ-..... ngày.... /..../20.... của..... *(Thủ trưởng cơ quan chủ quản SPQG)*

3. Tổng số thành viên hội đồng: Số thành viên vắng mặt:

4. Kết quả kiểm phiếu:

- Số phiếu phát ra: - Số phiếu thu về:

- Số phiếu hợp lệ: - Số phiếu không hợp lệ:

KẾT QUẢ BỎ PHIẾU

Số TT	Tên nhiệm vụ	Họ và tên các thành viên hội đồng và mức đánh giá "Đề nghị hỗ trợ"									Số lượng phiếu "Đề nghị hỗ trợ"	Được đưa vào danh mục nhiệm vụ hỗ trợ (*)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1	Nhiệm vụ 1											
2	Nhiệm vụ 2											
3	Nhiệm vụ 3											

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

ỦY VIÊN THỨ NHẤT	**ỦY VIÊN THỨ HAI**	**TRƯỞNG BAN**
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*	*(Họ, tên và chữ ký)*

(*) *Đánh dấu "X" vào ô tương ứng của cột này cho những nhiệm vụ được ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng đánh giá "Đề nghị hỗ trợ" và số thành viên này không ít hơn 1/2 tổng số thành viên hội đồng.*

Mẫu A11-BBHĐ-DAĐT-SPQG
28/2014/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH.....
(tên Cơ quan chủ quản SPQG)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT

A. Những thông tin chung

1. Tên Dự án đầu tư SPQG:

.....
.....

thuộc Sản phẩm quốc gia: *(ghi tên Sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)*

.....

2. Quyết định thành lập Hội đồng số...../QĐ-..... ngày...../...../20..... của..... *(Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG)*

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:....., từ ngày...../...../20..... đến ngày...../...../20.....

4. Thành phần họp:

- Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên hội đồng:...../.....
- Vắng mặt:..... người, gồm các thành viên:

5. Đại biểu tham dự họp Hội đồng:

Số TT	Họ và tên	Cơ quan, đơn vị công tác

6. Hội đồng nhất trí cử Ông/Bà ..... là thư ký hội đồng.

B. Nội dung làm việc của Hội đồng

(Phần ghi chép của thư ký hội đồng)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

C. Hội đồng bỏ phiếu đánh giá và kết luận

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên sau:

- Trưởng ban:.....
- Ủy viên 1:.....
- Ủy viên 2:.....

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá:

Kết quả kiểm phiếu được trình bày trong Biên bản kiểm phiếu đánh giá hồ sơ Dự án đầu tư SPQG và Biên bản kiểm phiếu đánh giá thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG kèm theo.

3. Căn cứ kết quả kiểm phiếu, Hội đồng kết luận:

a) Về Hồ sơ xét duyệt:

- Tên Dự án đầu tư SPQG:.....
- Tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG:.....

Kết luận: *(đánh dấu vào ô kết luận tương ứng)*

- ☐ Hồ sơ đáp ứng yêu cầu và Dự án đầu tư SPQG được đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN
- ☐ Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu và Dự án đầu tư SPQG không được đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN

b) Về nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG: *(đối với Hồ sơ được Hội đồng xét duyệt đánh giá đáp ứng yêu cầu)*

Các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG được Hội đồng đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN được trình bày trong danh mục kèm theo *(theo mẫu A12-DMNV-DAĐT-SPQG)*

D. Khuyến nghị của hội đồng

1. Các nội dung chính cần bổ sung, sửa đổi trong hồ sơ và Thuyết minh về Dự án đầu tư SPQG *(đối với Hồ sơ được Hội đồng xét duyệt đánh giá đáp ứng yêu cầu)*

Số TT	Tên tài liệu trong hồ sơ	Nội dung cần bổ sung, sửa đổi
1		
2		
3		
...		

2. Các nội dung chính cần bổ sung, sửa đổi trong Thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG *(đối với nhiệm vụ được Hội đồng xét duyệt đề nghị hỗ trợ)*

Số TT	Tên nhiệm vụ	Nội dung thuyết minh cần bổ sung, sửa đổi
1	Nhiệm vụ 1	
2	Nhiệm vụ 2	
3	Nhiệm vụ 2	
	.....	

3.Các khuyến nghị khác của Hội đồng:

Hội đồng đề nghị *(Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG)* xem xét và quyết định./.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu A12- DMNV-DAĐT-SPQG
28/2014/TT-BKHCN

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG ĐƯỢC HỘI ĐỒNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHI SỰ NGHIỆP KH&CN

(Kèm theo Biên bản hội đồng xét duyệt theo Quyết định số ...../QĐ-..... ngày... tháng... năm 20... của Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG)

1. Tên dự án đầu tư SPQG:

2. Tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG:

3. Giám đốc Dự án đầu tư SPQG:

4. Danh mục các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG:

Số TT	Tên nhiệm vụ	Chủ nhiệm	Mục tiêu chủ yếu	Nội dung chủ yếu	Sản phẩm chủ yếu	Thời gian thực hiện (bắt đầu/ kết thúc)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1	Nhiệm vụ 1					
2	Nhiệm vụ 2					
3	...					

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu A13-THDM-DAĐT-SPQG
28/2014/TT-BKHCN

BỘ/NGÀNH: *(tên Cơ quan chủ quản SPQG)*
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ SPQG

TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG VÀ NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG ĐƯỢC HỖ TRỢ KINH PHÍ TỪ NGÂN SÁCH CHI SỰ NGHIỆP KH&CN

Tên Sản phẩm quốc gia:
(ghi tên Sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)
1. Dự án đầu tư SPQG 1:

.....

Số TT	Tên nhiệm vụ	Chủ nhiệm	Mục tiêu chủ yếu	Nội dung chủ yếu	Sản phẩm chủ yếu	Thời gian thực hiện (bắt đầu/ kết thúc)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1	Nhiệm vụ 1					
2	Nhiệm vụ 2					
3	...					

2. Dự án đầu tư SPQG 2:

.....

Số TT	Tên nhiệm vụ	Chủ nhiệm	Mục tiêu chủ yếu	Nội dung chủ yếu	Sản phẩm chủ yếu	Thời gian thực hiện (bắt đầu/ kết thúc)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1	Nhiệm vụ 1					
2	Nhiệm vụ 2					
3	...					

.....

Ngày tháng năm 20
THỦ TRƯỞNG
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ SPQG
(Ký tên, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Phụ lục II

DANH MỤC MẪU THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT SẢN PHẨM QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2014/TT-BKHCN ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Mẫu Phiếu thẩm định hồ sơ Dự án đầu tư SPQG: Mẫu B1-PTĐHS-DAĐT-SPQG

2. Mẫu Phiếu thẩm định thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG: Mẫu B2-PTĐNV-DAĐT-SPQG

3. Mẫu Biên bản hội đồng thẩm định hồ sơ Dự án đầu tư SPQG: Mẫu B3-BBTĐHS-DAĐT-SPQG

4. Mẫu Biên bản hội đồng thẩm định thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG: Mẫu B4-BBTĐNV-DAĐT-SPQG

5. Mẫu Quyết định phê duyệt nhiệm vụ được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN thuộc Dự án đầu tư SPQG: Mẫu B5-QĐPD-DAĐT-SPQG.

Mẫu B1-PTĐHS-DAĐT-SPQG
28/2014/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THẨM ĐỊNH
HỒ SƠ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

I. Thông tin chung

1. Tên Dự án đầu tư SPQG:

.....
.....

thuộc Sản phẩm quốc gia: *(ghi tên Sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)*

.....

2. Cơ quan chủ quản SPQG:

3. Tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG:

4. Giám đốc Dự án đầu tư SPQG:

5. Họ và tên người thẩm định:

Đơn vị công tác:

Học hàm, học vị, chức vụ:

Chuyên ngành:

Chức danh trong Hội đồng:

6. Ngày nhận hồ sơ thẩm định: ngày.... tháng.... năm 20....

II. Nội dung thẩm định

A. Thẩm định hồ sơ

1. Nhận xét chung: *(nhận xét tính đầy đủ, hợp lệ và mức độ hoàn thiện của hồ sơ thẩm định)*

2. Đánh giá về hồ sơ:

a) Đủ điều kiện thẩm định: ☐

b) Không đủ điều kiện để thẩm định: ☐ *(nêu rõ lý do)*

B. Thẩm định nội dung Dự án đầu tư SPQG:

1. Thông tin chung về Dự án đầu tư SPQG và căn cứ xây dựng:

a) Tính đầy đủ, hợp lý thông tin về xuất xứ công nghệ, năng lực thực hiện và căn cứ xây dựng Dự án đầu tư SPQG:

b) Sự phù hợp của Dự án đầu tư SPQG với Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia và Đề án khung phát triển SPQG:

2. Mục tiêu của dự án: *(nêu tính đầy đủ, rõ ràng về mục tiêu về KH&CN, kinh tế, xã hội và môi trường)*

3. Nội dung dự án: *(nêu những nội dung trọng tâm đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN)*

a) Những nội dung phù hợp: *(ghi cụ thể)*

b) Những nội dung không phù hợp, cần loại bỏ: *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)*

c) Những nội dung cần bổ sung: *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)*

4. Tiến độ và các giải pháp thực hiện: *(mức độ phù hợp và khả thi)*

5. Sản phẩm của Dự án đầu tư SPQG:

a) Tính đầy đủ về sản phẩm của dự án: *(các dạng sản phẩm, tên sản phẩm, quy mô, số lượng, yêu cầu khoa học, yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm tạo ra)*

b) Các sản phẩm không phù hợp, cần loại bỏ: *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)*

c) Các sản phẩm cần bổ sung, sửa đổi: *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)*

6. Hiệu quả của Dự án đầu tư SPQG:

a) Đánh giá về hiệu quả KH&CN:

b) Đánh giá về hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường:

7. Danh mục các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG: *(nêu tính đầy đủ và chính xác so với kết luận của hội đồng xét duyệt)*

C. Thẩm định kinh phí Dự án đầu tư SPQG:

1. Dự kiến kinh phí Dự án đầu tư SPQG *(sau khi nhận xét thẩm định kinh phí của từng nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG)*:

Tổng số kinh phí thực hiện: tỷ đồng

Trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ từ NSNN chi sự nghiệp KH&CN: tỷ đồng
- Kinh phí từ các nguồn khác: tỷ đồng

2. Dự kiến kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG *(sau khi nhận xét thẩm định kinh phí của từng nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG)*:

Số TT	Tên nhiệm vụ	Kinh phí thực hiện *(tỷ đồng)*			Ghi chú
		Tổng kinh phí	Ngân sách sự nghiệp KH&CN	Kinh phí khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1					
2					
3					
..					
	Cộng				

3. Phương án huy động các nguồn tài chính:

- Đủ căn cứ để thông qua: ☐
- Chưa đủ căn cứ để thông qua: ☐ *(nêu rõ cần bổ sung các văn bản gì)*

D. Ý kiến nhận xét thẩm định của thành viên hội đồng:

- Đủ căn cứ để phê duyệt : ☐
- Chưa đủ căn cứ để phê duyệt : ☐ *(nêu cụ thể)*

....., ngày tháng năm 20

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu B2-PTĐNV-DAĐT-SPQG
28/2014/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THẨM ĐỊNH THUYẾT MINH NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

I. Thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ:

.....

.....

thuộc Dự án đầu tư SPQG:

.....

2. Tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG:

3. Giám đốc Dự án đầu tư SPQG:

4. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

5. Họ và tên người thẩm định:

Đơn vị công tác:

Học hàm, học vị, chức vụ:

Chuyên ngành:

Chức danh trong Hội đồng:

6. Ngày nhận hồ sơ thẩm định: ngày tháng năm 20....

II. Nội dung thẩm định

A. Thẩm định hồ sơ

1. Nhận xét chung: *(nhận xét về mức độ hoàn thiện của thuyết minh nhiệm vụ; phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện nhiệm vụ; danh mục liệt kê các văn bản quy định chế độ, định mức và các văn bản có liên quan được sử dụng để xây dựng dự toán kinh phí; báo giá nguyên vật liệu, thiết bị, bản quyền công nghệ, hợp đồng chuyên gia và các báo giá khác có liên quan đến nhiệm vụ)*

2. Đánh giá về hồ sơ:

a) Đủ điều kiện thẩm định: ☐

b) Không đủ điều kiện để thẩm định: ☐ *(nêu rõ lý do)*

B. Thẩm định nội dung

1. Thông tin chung của nhiệm vụ:

a) Tính đầy đủ, hợp lý thông tin về xuất xứ và đối tượng công nghệ chuyển giao/ ứng dụng:

b) Tính đầy đủ, hợp lý khi luận giải sự cần thiết phải chuyển giao/ứng dụng công nghệ:

2. Mục tiêu:

- Mục tiêu chung:
- Mục tiêu cụ thể:

3. Nội dung đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách chi sự nghiệp KH&CN:

a) Những nội dung, công việc chính phù hợp: *(ghi cụ thể)*

b) Những nội dung, công việc không phù hợp cần loại bỏ: *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)*

c) Những nội dung cần bổ sung: *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)*

4. Thời gian thực hiện: tháng.

5. Sản phẩm:

Số TT	Tên sản phẩm	Chất lượng sản phẩm, chỉ tiêu KT-KT cần đạt	Quy mô, số lượng sản phẩm
1	*2*	*3*	*4*
1			
2			
3			
4			
...			

C. Thẩm định kinh phí

1. Nhận xét về dự toán kinh phí của nhiệm vụ: *(mức độ hợp lý của những nội dung chi, mức chi đề nghị hỗ trợ từ ngân sách chi sự nghiệp KH&CN so với quy định của Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKHCN và nêu phương án điều chỉnh)*

2. Dự kiến kinh phí:

a) Tổng kinh phí cần thiết:..... triệu đồng

Trong đó:

- Nguồn kinh phí hỗ trợ từ NSNN chi sự nghiệp KH&CN:..... triệu đồng
- Nguồn khác:..... triệu đồng

b) Kinh phí hỗ trợ từ nguồn NSNN chi sự nghiệp KH&CN cho các khoản sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung chi	Tổng kinh phí	Kinh phí sự nghiệp KH&CN	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
1	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo			
2	Thiết bị, máy móc mua mới			
3	Hỗ trợ công nghệ			
4	Công lao động			
5	Nguyên vật liệu, năng lượng			
6	Chi khác			
	Cộng			

3. Phương án huy động các nguồn vốn thực hiện nhiệm vụ:

....., ngày tháng năm 20

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu B3-BBTĐHS-DAĐT-SPQG
28/2014/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
HỒ SƠ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

I. Thông tin chung:

1. Tên Dự án đầu tư SPQG:

.....

.....

Mã số..... *(nếu có)*

thuộc Sản phẩm quốc gia: *(ghi tên Sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)*

.....

2. Cơ quan chủ quản SPQG

3. Tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG:

4. Giám đốc Dự án đầu tư SPQG:

5. Quyết định thành lập Hội đồng: số...../QĐ-BKHCN, ngày ...../...../20..... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

6. Địa điểm và thời gian họp thẩm định:

Địa điểm:..... Ngày họp:.....

7. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên:...../5 người

Vắng mặt: thành viên sau:

.....

8. Thư ký hội đồng:.....

9. Đại biểu tham dự:

Số TT	Họ và tên	Đơn vị công tác

II. Nội dung họp thẩm định: *(thư ký hội đồng ghi đầy đủ ý kiến nhận xét của từng thành viên hội đồng thẩm định)*

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

III. Kết luận của Hội đồng thẩm định:

A. Thẩm định hồ sơ: *(kết luận về tính đầy đủ, hợp lệ, hoàn thiện của hồ sơ thẩm định)*

B. Thẩm định nội dung Dự án đầu tư SPQG:

1. Mục tiêu: *(ghi cụ thể)*

2. Nội dung: *(ghi cụ thể những nội dung trọng tâm được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN)*

3. Sản phẩm chính của Dự án đầu tư SPQG: *(ghi cụ thể dạng sản phẩm, tên sản phẩm, quy mô, số lượng, chất lượng và chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt)*

5. Thời gian thực hiện:

6. Danh mục các nhiệm vụ được hỗ trợ kinh phí từ NSNN chi sự nghiệp KH&CN thuộc Dự án đầu tư SPQG:

Số TT	Tên nhiệm vụ	Chủ nhiệm nhiệm vụ	Thời gian thực hiện (bắt đầu/kết thúc)
1	*2*	*3*	*4*
1	Nhiệm vụ 1		
2	Nhiệm vụ 2		
3	...		

C. Thẩm định kinh phí Dự án đầu tư SPQG

1. Tổng số kinh phí thực hiện:..... tỷ đồng

Trong đó:

a) Kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN:..... tỷ đồng

b) Kinh phí từ các nguồn khác:..... tỷ đồng.

2. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG:

Số TT	Tên nhiệm vụ	Kinh phí thực hiện *(tỷ đồng)*			Ghi chú
		Tổng kinh phí	Ngân sách sự nghiệp KH&CN	Kinh phí khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1					
2					
3					
..					
	Cộng				

3. Phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện Dự án đầu tư SPQG

- Hội đồng nhất trí thông qua: ☐

- Chưa đủ cơ sở thông qua: ☐ *(ghi rõ yêu cầu bổ sung văn bản gì)*

D. Kết luận chung của Hội đồng thẩm định:

- Đề nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt: ☐

- Đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để đủ điều kiện thẩm định: ☐

(ghi rõ yêu cầu các tài liệu hồ sơ nào cần bổ sung, hoàn thiện)

Biên bản được lập xong lúc ..... ngày..... /...../..... và đã được Hội đồng thẩm định nhất trí thông qua./.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Mẫu B4-BBTĐNV-DAĐT-SPQG
28/2014/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH THUYẾT MINH NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

I. Thông tin chung:

1. Tên nhiệm vụ:

.....

.....

Mã số..... *(nếu có)*
thuộc Dự án đầu tư SPQG:

.....

2. Tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG:

3. Giám đốc Dự án đầu tư SPQG:

4. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

5. Quyết định thành lập Hội đồng: số...../QĐ-BKHCN, ngày...../...../20..... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

6. Địa điểm và thời gian họp thẩm định:

Địa điểm:..... Ngày họp:.....

7. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên:...../.....

Vắng mặt: người, gồm các thành viên:

8. Đại biểu tham dự:

Số TT	Họ và tên	Đơn vị công tác

II. Nội dung họp thẩm định: *(thư ký hội đồng ghi đầy đủ ý kiến nhận xét của từng thành viên hội đồng thẩm định)*

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

III. Kết luận của Hội đồng thẩm định

A. Thẩm định hồ sơ: *(kết luận về tính đầy đủ, hợp lệ, hoàn thiện của hồ sơ nhiệm vụ)*

B. Thẩm định nội dung:

1. Mục tiêu:

2. Những nội dung chủ yếu được hỗ trợ từ NSNN chi sự nghiệp KH&CN:

3. Thời gian thực hiện:..... tháng, bắt đầu..... kết thúc.....

4. Sản phẩm:

Số TT	Tên sản phẩm	Chất lượng sản phẩm, chỉ tiêu KT-KT cần đạt	Quy mô, số lượng sản phẩm
1	*2*	*3*	*4*
1			
2			
3			
4			
5			
...			

C. Thẩm định kinh phí

1. Tổng kinh phí cần thiết:..... triệu đồng,

Trong đó:

a) Kinh phí từ nguồn NSNN chi sự nghiệp KH&CN:..... triệu đồng

b) Kinh phí từ các nguồn khác:..... triệu đồng.

2. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn NSNN chi sự nghiệp KH&CN cho các khoản sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung chi	Tổng kinh phí	Kinh phí sự nghiệp KH&CN	Mức hỗ trợ (%)
1	*2*	*3*	*4*	*5*
1	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo			
2	Thiết bị, máy móc mua mới			
3	Hỗ trợ công nghệ			
4	Công lao động			
5	Nguyên vật liệu, năng lượng			
6	Chi khác			
	Cộng			

3. Phương án huy động, phân chia các nguồn tài chính thực hiện nhiệm vụ

Biên bản được lập xong lúc..... ngày...../...../..... và đã được Hội đồng thẩm định nhất trí thông qua./.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu B5-QĐPD-DAĐT-SPQG
28/2014/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-BKHCN	*Hà Nội, ngày..... tháng.... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt nhiệm vụ được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục Sản phẩm quốc gia thực hiện từ năm 2012 thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

Thực hiện Thông tư số 28/2014/TT-BKHCN ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc xét duyệt, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia;

Xét hồ sơ dự án trình phê duyệt và đề nghị của các ông Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục *(ghi số lượng)* nhiệm vụ được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (KH&CN) thuộc Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia (Dự án đầu tư SPQG):

1. Tên Dự án đầu tư SPQG:.....

Mã số:.....

Thuộc Sản phẩm quốc gia:.....

2. Cơ quan chủ quản SPQG:.....

3. Tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG:.....

4. Giám đốc Dự án đầu tư SPQG:.....

5. Thời gian thực hiện dự án:.....; Bắt đầu..... Kết thúc.....

6. Tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG:

Tổng kinh phí thực hiện:..... tỷ đồng

Trong đó:

a) Tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN:..... tỷ đồng

b) Tổng kinh phí từ nguồn khác:... tỷ đồng

(Chi tiết trong Phụ lục danh mục các nhiệm vụ được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN và kinh phí thực hiện kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này được sử dụng thay cho văn bản chấp thuận việc sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN của Dự án đầu tư SPQG nêu tại Điều 1 để tiến hành thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao cho *(Thủ trưởng Đơn vị quản lý SPQG)* tổ chức ký hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG nêu tại Điều 1 sau khi tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG hoàn tất thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành.

Điều 5. Các ông/bà Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Giám đốc Văn phòng các chương trình KH&CN quốc gia, Chánh Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng Đơn vị quản lý sản phẩm quốc gia thuộc Cơ quan chủ quản sản phẩm quốc gia, Thủ trưởng tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG, Giám đốc Dự án đầu tư SPQG, Chủ nhiệm nhiệm vụ và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Cơ quan chủ quản SPQG;
- Ban Chỉ đạo Chương trình;
- Lưu: VT, KH-TH.

BỘ TRƯỞNG

Phụ lục

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC HỖ TRỢ KINH PHÍ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHI SỰ NGHIỆP KH&CN VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số..... QĐ/BKHCN ngày..... tháng..... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Số TT	Mã số, tên nhiệm vụ	Chủ nhiệm nhiệm vụ	Thời gian thực hiện (bắt đầu/ kết thúc)	Kinh phí thực hiện *(tỷ đồng)*			Ghi chú
				Tổng kinh phí	Ngân sách sự nghiệp KH&CN	Kinh phí khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
1							
2							
..							
	Tổng số						